**NỘI DUNG DỰ THẢO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG PHẦN 7 CỦA BỘ QCATHK**

**(Đối với lĩnh vực nhân viên kỹ thuật hàng không)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Điều** | **Khoản** | **Nội dung hiện hành** | **Nội dung đề nghị sửa, bổ sung** | **Ghi chú** |
|  | **7.040** |  | **CẤP NĂNG ĐỊNH LOẠI TÀU BAY CHO NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY** |  |  |
|  | **7.040** | (b) | b. Cục Hàng không Việt Nam cấp năng định giấy phép bảo dưỡng tàu bay và các năng định liên quan khác và điều kiện để duy trì hiệu lực của giấy phép sử dụng cho tàu bay và trực thăng với các mức sau:  1. Mức A;  2. Mức B1;  3. Mức B2;  4. Mức C. | (b) Cục Hàng không Việt Nam cấp năng định giấy phép bảo dưỡng tàu bay và các năng định liên quan khác và điều kiện để duy trì hiệu lực của giấy phép sử dụng cho tàu bay với các mức sau:  1. Mức A;  2. Mức B1;  3. Mức B2;  4. Mức C. | Tầu bay bao gồm máy bay, trực thăng... |
|  | **7.040** | (c) | c. Mức A và B1 được chia theo các tiểu mức liên quan đến cấu hình kết hợp giữa tàu bay, trực thăng, động cơ tuốc-bin hoặc động cơ pit-tông như sau:  1. Tiểu mức A1 và B1.1: tàu bay động cơ tuốc-bin;  2. Tiểu mức A2 và B1.2: tàu bay động cơ pit-tông;  3. Tiểu mức A3 và B1.3: trực thăng động cơ tuốc-bin;  4. Tiểu mức A4 và B1.4: trực thăng động cơ pit-tông. | (c) Mức A và B1 được chia theo các tiểu mức liên quan đến cấu hình kết hợp giữa loại tàu bay và động cơ như sau:  1. Tiểu mức A1 và B1.1: máy bay động cơ tuốc-bin;  2. Tiểu mức A2 và B1.2: máy bay động cơ pit-tông;  3. Tiểu mức A3 và B1.3: trực thăng động cơ tuốc-bin;  4. Tiểu mức A4 và B1.4: trực thăng động cơ pit-tông. | Tầu bay bao gồm máy bay, trực thăng... |
|  | **7.043** |  | **CẤP NĂNG ĐỊNH HẠNG TÀU BAY CHO NHÂN VIÊN SỬA CHỮA HÀNG KHÔNG CHUYÊN NGÀNH** | **CẤP NĂNG ĐỊNH CHO NHÂN VIÊN SỬA CHỮA CHUYÊN NGÀNH HÀNG KHÔNG** | Sửa lại tiêu đề cho phù hợp với nội dung |
|  | **7.043** | (a) | (a) Cục HKVN cấp năng định loại tàu bay sau cho nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không:  (1) Cánh quạt;  (2) Điện điện tử;  (3) Thiết bị;  (4) Máy tính;  (5) Thiết bị lẻ;  (6) Lắp ráp tàu bay thử nghiệm;  (7) Các năng định cụ thể khác do Cục HKVN xác định. | (a) Cục HKVN cấp năng định sau cho nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không:  (1) Cánh quạt;  (2) Điện điện tử;  (3) Thiết bị (Đồng hồ);  (4) Máy tính;  (5) Thiết bị phụ;  (6) Lắp ráp tàu bay thử nghiệm;  (7) Các năng định cụ thể khác do Cục HKVN xác định. | Sửa đổi làm rõ các năng định |
|  | **7.350** |  | **PHẠM VI ÁP DỤNG** |  |  |
|  | **7.350** | (a) | (a) Mục này thiết lập yêu cầu cho việc cấp giấy phép nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay (AMT) và điều kiện duy trì hiệu lực giấy phép sử dụng cho tàu bay và trực thăng với các mức như sau:  (1) Mức A;  (2) Mức B1;  (3) Mức B2;  (4) Mức C. | (a) Mục này thiết lập yêu cầu cho việc cấp và điều kiện duy trì hiệu lực giấy phép và năng định nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tầu bay (AMT). | Nội dung chia mức đã chuyển sang điều 7.040 |
|  | **7.350** | (b) | (b) Mức A và B1 được chia ra các tiểu mức liên quan đến cấu hình kết hợp giữa tàu bay, trực thăng, động cơ tuốc-bin hoặc động cơ pit-tông theo như sau:  (1) Tiểu mức A1 và B1.1: tàu bay động cơ tuốc-bin;  (2) Tiểu mức A2 và B1.2: tàu bay động cơ pit-tông;  (3) Tiểu mức A3 và B1.3: trực thăng động cơ tuốc-bin;  (4) Tiểu mức A4 và B1.4: trực thăng động cơ pit-tông. | bỏ | Nội dung chia mức đã chuyển sang điều 7.040 |
|  | 7.353 |  | CÁC YÊU CẦU VÀ QUYỀN HẠN ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY |  |  |
|  | 7.353 | (c) | (c) Các quyền hạn sau đây sẽ được áp dụng đối với nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay nếu đảm bảo việc tuân thủ với các điều kiện của khoản (d) của Điều này:  (1) Giấy chứng nhận AMT mức A cho phép nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay ký xác nhận hoàn thành bảo dưỡng cho các công việc bảo dưỡng ngoại trường dạng nhỏ theo kế hoạch hoặc sửa chữa các hỏng hóc đơn giản trong phạm vi công việc được ghi cụ thể trong giấy phép. Quyền hạn ký xác nhận hoàn thành bảo dưỡng bị hạn chế trong phạm vi các công việc mà người có Giấy chứng nhận đã trực tiếp thực hiện tại tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn phù hợp với Phần 5;  (2) Giấy chứng nhận AMT mức B1 cho phép nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay ký xác nhận hoàn thành bảo dưỡng sau khi thực hiện công việc bảo dưỡng trên cấu trúc tàu bay, hệ thống tạo lực đẩy và các hệ thống cơ giới và điện. Năng định của nhân viên B1 còn bao gồm cả việc thay thế các khối máy điện tử yêu cầu thực hiện các công việc kiểm tra đơn giản để khẳng định trạng thái làm việc tốt của khối máy đó. Năng định B1 sẽ tự động bao gồm cả các tiểu mức A tương ứng;  (3) Giấy chứng nhận AMT mức B2 cho phép nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay ký xác nhận hoàn thành bảo dưỡng sau khi thực hiện công việc bảo dưỡng trên các hệ thống điện và điện tử của tàu bay;  (4) Giấy chứng nhận AMT mức C cho phép nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay ký xác nhận hoàn thành bảo dưỡng sau khi thực hiện công việc bảo dưỡng nội trường theo kế hoạch trên tàu bay. Năng định này áp dụng cho toàn bộ tàu bay trong tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn phù hợp với Phần 5. | (c) Các quyền hạn sau đây sẽ được áp dụng đối với nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay nếu đảm bảo việc tuân thủ với các điều kiện của khoản (d) của Điều này:  (1) Giấy phép AMT mức A cho phép nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay ký xác nhận hoàn thành bảo dưỡng cho các công việc bảo dưỡng ngoại trường dạng nhỏ theo kế hoạch hoặc sửa chữa các hỏng hóc đơn giản trong phạm vi công việc được ghi cụ thể trong giấy phép. Quyền hạn ký xác nhận hoàn thành bảo dưỡng bị hạn chế trong phạm vi các công việc mà người có Giấy phép đã trực tiếp thực hiện tại tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn phù hợp với Phần 5;  (2) Giấy phép AMT mức B1 cho phép nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay ký xác nhận hoàn thành bảo dưỡng sau khi thực hiện công việc bảo dưỡng trên cấu trúc tàu bay, hệ thống tạo lực đẩy và các hệ thống cơ giới và điện. Năng định của nhân viên B1 còn bao gồm cả việc thay thế các khối máy điện tử yêu cầu thực hiện các công việc kiểm tra đơn giản để khẳng định trạng thái làm việc tốt của khối máy đó. Năng định B1 sẽ tự động bao gồm cả các tiểu mức A tương ứng;  (3) Giấy phép AMT mức B2 cho phép nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay ký xác nhận hoàn thành bảo dưỡng sau khi thực hiện công việc bảo dưỡng trên các hệ thống điện và điện tử của tàu bay;  (4) Giấy phép AMT mức C cho phép nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay ký xác nhận hoàn thành bảo dưỡng sau khi thực hiện công việc bảo dưỡng nội trường theo kế hoạch trên tàu bay. Năng định này áp dụng cho toàn bộ một loại tàu bay cụ thể trong phạm vi năng định của tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn phù hợp với Phần 5. | Sửa đổi làm rõ quy định |
|  |  |  |  |  |  |
|  | 7.357 |  | YÊU CẦU VỀ KINH NGHIỆM VÀ HUẤN LUYỆN ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY |  |  |
|  | 7.357 | (a) | (a) Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép hoặc năng định AMT phải có đầy đủ:  (1) Chứng chỉ tốt nghiệp khoá huấn luyện phù hợp với năng định đề nghị cấp tại ATO được Cục HKVN công nhận; hoặc  (2) Tài liệu là bằng chứng về kinh nghiệm thực hành được Cục HKVN chấp nhận áp dụng cho khoảng thời gian và loại công việc phù hợp với năng định đề nghị cấp. | (a) Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép hoặc năng định AMT phải có đầy đủ:  (1) Chứng chỉ tốt nghiệp khoá huấn luyện phù hợp với năng định đề nghị cấp tại ATO được Cục HKVN công nhận; và  (2) Hồ sơ bằng chứng về kinh nghiệm bảo dưỡng được Cục HKVN chấp nhận áp dụng cho khoảng thời gian và loại công việc phù hợp với năng định đề nghị cấp. | Sửa đổi làm rõ quy định |
|  | 7.360 |  | YÊU CẦU VỀ KỸ NĂNG ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY |  |  |
|  |  | (a) | (a) Người làm đơn đề nghị cấp phép hoặc năng định AMT phải thể hiện khả năng để thực hiện nhiệm vụ của các chức năng được cấp sau khi thoả mãn bài kiểm tra vấn đáp và thực hành đối với năng định đề nghị cấp. | (a) Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép hoặc năng định AMT phải thể hiện khả năng để thực hiện nhiệm vụ của các chức năng được cấp sau khi thoả mãn bài kiểm tra vấn đáp và thực hành đối với năng định đề nghị cấp. | Làm rõ cấp giấy phép |
|  |  |  |  |  |  |
|  | 7.363 |  | Học viên có thể đề nghị Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thi cấp Giấy phép trước khi đáp ứng các yêu cầu về kinh nghiệm theo quy định tài Phần này nếu đã tốt nghiệp và được cơ sở huấn luyện do Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn phù hợp với Phần 9 Bộ QCATHK xác nhận đầy đủ kiến thức và kỹ năng. | (a) Học viên có thể đề nghị Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thi cấp Giấy phép trước khi đáp ứng yêu cầu về thời gian tích luỹ kinh nghiệm theo quy định tại Phần này nếu đã tốt nghiệp và được cơ sở huấn luyện do Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn phù hợp với Phần 9 Bộ QCATHK xác nhận đầy đủ kiến thức và kỹ năng. Trong trường hợp thí sinh thi đạt kết quả thì Cục HKVN sẽ cấp Giấy phép và năng định cho nhân viên AMT sau khi đáp ứng yêu cầu về thời gian tích luỹ kinh nghiệm theo yêu cầu tại Phụ lục 1 Điều 7.357. | Chỉ rõ cho phép thi trước khi đáp ứng đủ thời gian tích luỹ kinh nghiệm. |
|  | **PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.350** |  | **VỀ THỦ TỤC CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VÀ NĂNG ĐỊNH CHO NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY (AMT) VÀ NHÂN VIÊN SỬA CHỮA CHUYÊN NGÀNH HÀNG KHÔNG (ARS)** | **VỀ THỦ TỤC CẤP, CẤP LẠI VÀ GIA HẠN GIẤY PHÉP VÀ NĂNG ĐỊNH CHO NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY (AMT) VÀ NHÂN VIÊN SỬA CHỮA CHUYÊN NGÀNH HÀNG KHÔNG (ARS)** | Bổ sung quy định gia hạn |
|  |  | (a) | (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép nhân viên AMT/ARS;  (3) Các tài liệu chứng minh kinh nghiệm thực hành được Cục HKVN chấp thuận và loại công việc phù hợp với năng định đề nghị cấp;  (4) Bản sao chứng thực chứng chỉ tốt nghiệp khóa huấn luyện phù hợp với năng định đề nghị cấp tại ATO được Cục HKVN công nhận;  (5) Kết quả bài kiểm tra sát hạch về kiến thức, kinh nghiệm phù hợp với năng định đề nghị cấp; | (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép nhân viên AMT/ARS (CAAV-FSSD Form 542);  (3) Hồ sơ chứng minh kinh nghiệm bảo dưỡng được Cục HKVN chấp thuận và loại công việc phù hợp với năng định đề nghị cấp (CAAV-FSSD Form 586);  (4) Bản sao chứng thực chứng chỉ tốt nghiệp khóa huấn luyện phù hợp với năng định đề nghị cấp tại tổ chức đào tạo được Cục HKVN phê chuẩn hoặc công nhận;  (5) Kết quả bài kiểm tra, đánh giá sát hạch về kiến thức, kinh nghiệm phù hợp với năng định đề nghị cấp; | Làm rõ, bổ sung mẫu, hồ sơ đề nghị |
|  | **PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.350** | (d) | 1. Đơn đề nghị cấp lại nêu rõ lý do;  2. Giấy chứng nhận sức khoẻ phù hợp với quy định của Bộ Y tế và Phần 8 Bộ quy chế an toàn hàng không còn hiệu lực;  3. Kết quả kiểm tra sát hạch trình độ, kinh nghiệm trên chủng loại, hạng, loại tàu bay phù hợp với năng định đề nghị cấp | 1. Đơn đề nghị cấp lại nêu rõ lý do (CAAV-FSSD Form 586);  2. Giấy chứng nhận sức khoẻ phù hợp với quy định của Bộ Y tế;  3. Hồ sơ duy trì kinh nghiệm với các nội dung áp dụng cho năng định của người đề nghị. |  |
|  |  | (e) | (e) Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép nhân viên AMT/ARS trong trường hợp giấy phép bị mất, bị rách, người đề nghị phải nộp hồ sơ đến Cục HKVN tối thiểu 7 ngày làm việc. Hồ sơ bao gồm:  (1) Đơn đề nghị cấp lại nêu rõ lý do;  (2) Bản gốc hoặc bản sao giấy phép và năng định đã được cấp (nếu có). | (e) Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép nhân viên AMT/ARS trong trường hợp giấy phép bị mất hoặc bị hỏng, người đề nghị phải nộp hồ sơ đến Cục HKVN. Hồ sơ bao gồm:  (1) Đơn đề nghị cấp lại nêu rõ lý do (CAAV-FSSD Form 586);  (2) Bản gốc hoặc bản sao giấy phép và năng định đã được cấp (nếu có). | Làm rõ, bổ sung mẫu, hồ sơ đề nghị |
|  |  |  |  | (f) Trong thời hạn 07 ngày, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ, Cục HKVN có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và thực hiện cấp lại giấy phép phù hợp. | Tách ra từ khoản (e) |
|  |  |  | (f) Người đề nghị gia hạn năng định nhân viên AMT/ARS phải gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục HKVN và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ gồm:  (1) Đơn đề nghị gia hạn năng định nhân viên AMT/ARS;  (2) Giấy chứng nhận sức khỏe còn hiệu lực kèm theo bản chính để đối chiếu;  (3) Bản sao giấy phép nhân viên AMT/ARS còn hiệu lực kèm theo bản chính để đối chiếu;  (5) Kết quả kiểm tra sát hạch thực hành với các nội dung khai thác áp dụng cho năng định chủng loại tàu bay và năng định hạng tàu bay phù hợp của người đề nghị. | (g) Người đề nghị gia hạn năng định nhân viên AMT/ARS phải gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục HKVN và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ gồm:  (1) Đơn đề nghị gia hạn năng định nhân viên AMT/ ARS (CAAV-FSSD Form 586);  (2) Giấy chứng nhận sức khỏe phù hợp với quy định của Bộ Y tế;  (3) Bản sao giấy phép nhân viên AMT/ARS còn hiệu lực;  (5) Hồ sơ duy trì kinh nghiệm với các nội dung áp dụng cho năng định của người đề nghị. | Thêm mẫu đơn đề nghị, bỏ yêu cầu sát hạch thực hành thay bằng hồ sơ duy trì kinh nghiệm. |
|  | **PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.353** |  | HUẤN LUYỆN VÀ PHÊ CHUẨN NĂNG ĐỊNH LOẠI TÀU BAY VÀ CÁC CÔNG VIỆC CỤ THỂ. |  |  |
|  | **PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.353** | (a) | (a) Người có giấp phép AMT năng định A chỉ được phép thực hiện các công việc theo thẩm quyền được phê chuẩn trên một loại tàu bay cụ thể sau khi đã hoàn thành khóa huấn luyện các công việc cụ thể phù hợp với năng định A do tổ chức bảo dưỡng phù hợp với Phần 5 hoặc Phần 8 thực hiện. Việc huấn luyện sẽ phải bao gồm cả lý thuyết và thực hành phù hợp với các công việc sẽ được phê chuẩn. Việc hoàn thành khóa học phải được chứng minh bằng kết quả kiểm tra/hoặc đánh giá thực hành trực tiếp thực hiện do tổ chức được phê chuẩn phù hợp với Phần 5 hoặc Phần 8. | (a) Người có giấp phép AMT mức A chỉ được phép thực hiện các công việc theo thẩm quyền được phê chuẩn trên một loại tàu bay cụ thể sau khi đã hoàn thành khóa huấn luyện các công việc cụ thể phù hợp với mức A do tổ chức bảo dưỡng phù hợp với Phần 5 hoặc Phần 9 thực hiện. Việc huấn luyện sẽ phải bao gồm cả lý thuyết và thực hành phù hợp với các công việc sẽ được phê chuẩn. Việc hoàn thành khóa học phải được chứng minh bằng kết quả kiểm tra/hoặc đánh giá thực hành trực tiếp thực hiện do tổ chức được phê chuẩn phù hợp với Phần 5 hoặc Phần 9. | Sửa lại tham chiếu đúng phần áp dụng và đúng thuật ngữ. |
|  | **PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.353** | (b), (c), (d), (e), (f), (g), (h) | (b) Trừ khi có quy định khác tại khoản (g), nhân viên kỹ thuật có giấy phép AMT năng định B1, B2 và C chỉ được thực hiện năng định của mình trên loại tàu bay cụ thể khi năng định đối với loại tàu bay đó được phê chuẩn trong giấy phép.  (c) Trừ khi có quy định khác tại khoản (h), năng định chỉ được cấp sau khi người đề nghị đã hoàn thành tốt khóa huấn luyện được Cục HKVN phê chuẩn hoặc thực hiện bởi tổ chức huấn luyện bảo dưỡng được Cục HKVN phê chuẩn phù hợp với Phần 8.  (d) Chương trình huấn luyện chuyển loại tàu bay cho nhân viên kỹ thuật có năng định B1 hoặc B2 phải bao gồm các phần lý thuyết và thực hành và bao gồm khóa học có liên quan đến các năng định đã quy định tại khoản (c), Điều 7.353. Chương trình huấn luyện lý thuyết và thực hành phải tuân thủ với các yêu cầu cụ thể do Cục HKVN quy định.  (e) Chương trình huấn luyện cho nhân viên có giấy phép AMT năng định loại C phải tuân thủ với các yêu cầu cụ thể do Cục HKVN quy định. Trong trường hợp AMT có năng định C có bằng kỹ sư hàng không, chương trình huấn luyện loại tàu bay đầu tiên phải tương đương ở mức B1 hoặc B2, chương trình huấn luyện thực hành không bắt buộc.  (f) Việc hoàn thành các khóa huấn luyện được quy định từ khoản (b) đến khoản (e) phải được chứng minh bằng kết quả kiểm tra. Việc kiểm tra kết quả huấn luyện phải đáp ứng các yêu cầu do Cục HKVN quy định. Việc kiểm tra đối với nhân viên có giấy phép AMT năng định B1, B2 và C phải được thực hiện bởi tổ chức huấn luyện được phê chuẩn phù hợp với Phần 8 hoặc tổ chức huấn luyện thực hiện các khóa huấn luyện chuyển loại được phê chuẩn.  (g) Trái với quy định tại khoản (b), đối với loại tàu bay không phải là tàu bay lớn (có tải trọng cất cánh lớn hơn 5700 kg), người có giấy phép năng định B1 và B2 có thể thực hiện các năng định của mình nếu trong giấp phép có ghi năng định đối với nhóm tàu bay phù hợp hoặc năng định của nhóm nhà chế tạo trừ khi Cục HKVN xác định tính phức tạp của loại tàu bay liên quan cần phải được phê chuẩn riêng rẽ.  (1) Năng định loại tàu bay của nhà chế tạo được cấp khi tuân thủ với các năng định loại của 2 tàu bay đại diện cho một nhóm nhà chế tạo.  (2) Năng định nhóm đầy đủ sẽ được cấp sau khi tuân thủ với các yêu cầu năng định loại của 3 loại tàu bay đại diện cho một nhóm các nhà chế tạo. Tuy nhiên, năng định nhóm đầy đủ không được cấp cho nhân viên B1 trên loại tàu bay từ 2 động cơ tuốc-bin phản lực trở lên.  (3) Các nhóm sẽ bao gồm:  (i) Đối với giấy phép năng định loại B1 hoặc C: Trực thăng động cơ pit-tông hoặc trực thăng động cơ tuốc-bin; tàu bay một động cơ pit-tông – có cấu trúc kim loại; tàu bay nhiều động cơ pit-tông – cấu trúc kim loại; tàu bay một động cơ pit-tông – có cấu trúc bằng gỗ; tàu bay có nhiều động cơ pit-tông – có cấu trúc bằng gỗ; tàu bay một động cơ pit-tông – có cấu trúc thân bằng vật liệu composite; tàu bay nhiều động cơ pit-tông – có kết cấu bằng vật liệu composite; tàu bay một động cơ tuốc-bin; và tàu bay nhiều động cơ tuốc-bin;  (ii) Đối với giấy phép năng định loại B2 và C: tàu bay; và trực thăng.  (1) Đối với năng định loại B1, B2 và C, bài kiểm tra năng định loại tàu bay phải bao gồm bài kiểm tra về cơ giới tàu bay đối với năng định B1 và bài kiểm tra về bộ môn đối với B2 và cả bài kiểm tra B1 và B2 đối với năng định loại C;  (2) Bài kiểm tra sẽ phải tuân thủ các yêu cầu đặc biệt của Cục HKVN. Bài kiểm tra phải được thực hiện bởi tổ chức huấn luyện được phê chuẩn phù hợp với Phần 8 hoặc trực tiếp thực hiện bởi Cục HKVN;  (3) Bài kiểm tra thực hành sẽ phải bao gồm kiểm tra các công việc đại diện cho từng nhóm công việc bảo dưỡng có liên quan đến năng định đề nghị.  (h) Trái với quy định tại khoản (c), năng định đối với tàu bay không phải là tàu bay lớn cũng có thể được cấp căn cứ vào việc hoàn thành tốt bài kiểm tra năng định loại tàu bay có liên quan đến năng định B1, B2 và C và có bằng chứng đầy đủ về kinh nghiệm thực tế có được trên loại tàu bay đó, trừ phi Cục HKVN xác định loại tàu bay đó là phức tạp và yêu cầu tham gia khóa huấn luyện như điểm 3 dưới đây. Đối với năng định C cho tàu bay không phải là tàu bay lớn của người có bằng kỹ sư tàu bay, loại tàu bay kiểm tra đầu tiên phải tương đương của mức B1 hoặc B2.  (1) Đối với năng định loại B1, B2 và C, bài kiểm tra năng định loại tàu bay phải bao gồm bài kiểm tra về cơ giới tàu bay đối với năng định B1 và bài kiểm tra về bộ môn đối với B2 và cả bài kiểm tra B1 và B2 đối với năng định loại C;  (2) Bài kiểm tra sẽ phải tuân thủ các yêu cầu đặc biệt của Cục HKVN. Bài kiểm tra phải được thực hiện bởi tổ chức huấn luyện được phê chuẩn phù hợp với Phần 8 hoặc trực tiếp thực hiện bởi Cục HKVN;  (3) Bài kiểm tra thực hành sẽ phải bao gồm kiểm tra các công việc đại diện cho từng nhóm công việc bảo dưỡng có liên quan đến năng định đề nghị. | (b) Trừ khi có quy định khác tại khoản (g), nhân viên kỹ thuật có giấy phép AMT mức B1, B2 và C chỉ được thực hiện năng định của mình trên loại tàu bay cụ thể khi năng định đối với loại tàu bay đó được phê chuẩn trong giấy phép.  (c) Trừ khi có quy định khác tại khoản (h), năng định chỉ được cấp sau khi người đề nghị đã hoàn thành tốt khóa huấn luyện được Cục HKVN phê chuẩn hoặc thực hiện bởi tổ chức huấn luyện bảo dưỡng được Cục HKVN phê chuẩn phù hợp với Phần 9.  (d) Chương trình huấn luyện chuyển loại tàu bay cho nhân viên kỹ thuật có mức B1 hoặc B2 phải bao gồm các phần lý thuyết và thực hành và bao gồm khóa học có liên quan đến các năng định đã quy định tại khoản (c), Điều 7.353. Chương trình huấn luyện lý thuyết và thực hành phải tuân thủ với các yêu cầu cụ thể do Cục HKVN quy định.  (e) Chương trình huấn luyện cho nhân viên có giấy phép AMT mức C phải tuân thủ với các yêu cầu cụ thể do Cục HKVN quy định. Trong trường hợp AMT mức C có bằng kỹ sư hàng không, chương trình huấn luyện loại tàu bay đầu tiên phải tương đương ở mức B1 hoặc B2, chương trình huấn luyện thực hành không bắt buộc.  (f) Việc hoàn thành các khóa huấn luyện được quy định từ khoản (b) đến khoản (e) phải được chứng minh bằng kết quả kiểm tra. Việc kiểm tra kết quả huấn luyện phải đáp ứng các yêu cầu do Cục HKVN quy định. Việc kiểm tra đối với nhân viên có giấy phép AMT mức B1, B2 và C phải được thực hiện bởi tổ chức huấn luyện được phê chuẩn phù hợp với Phần 9 hoặc tổ chức huấn luyện thực hiện các khóa huấn luyện chuyển loại được phê chuẩn.  (g) Trái với quy định tại khoản (b), đối với loại tàu bay không phải là tàu bay lớn (có tải trọng cất cánh lớn hơn 5700 kg), người có giấy phép mức B1 và B2 có thể thực hiện các năng định của mình nếu trong giấp phép có ghi năng định đối với nhóm tàu bay phù hợp hoặc năng định của nhóm nhà chế tạo trừ khi Cục HKVN xác định tính phức tạp của loại tàu bay liên quan cần phải được phê chuẩn riêng rẽ.  (1) Năng định loại tàu bay của nhà chế tạo được cấp khi tuân thủ với các năng định loại của 2 tàu bay đại diện cho một nhóm nhà chế tạo.  (2) Năng định nhóm đầy đủ sẽ được cấp sau khi tuân thủ với các yêu cầu năng định loại của 3 loại tàu bay đại diện cho một nhóm các nhà chế tạo. Tuy nhiên, năng định nhóm đầy đủ không được cấp cho nhân viên B1 trên loại tàu bay từ 2 động cơ tuốc-bin phản lực trở lên.  (3) Các nhóm sẽ bao gồm:  (i) Đối với giấy phép mức B1 hoặc C: Trực thăng động cơ pit-tông hoặc trực thăng động cơ tuốc-bin; tàu bay một động cơ pit-tông – có cấu trúc kim loại; tàu bay nhiều động cơ pit-tông – cấu trúc kim loại; tàu bay một động cơ pit-tông – có cấu trúc bằng gỗ; tàu bay có nhiều động cơ pit-tông – có cấu trúc bằng gỗ; tàu bay một động cơ pit-tông – có cấu trúc thân bằng vật liệu composite; tàu bay nhiều động cơ pit-tông – có kết cấu bằng vật liệu composite; tàu bay một động cơ tuốc-bin; và tàu bay nhiều động cơ tuốc-bin;  (ii) Đối với giấy phép mức B2 và C: tàu bay; và trực thăng.  (1) Đối với mức B1, B2 và C, bài kiểm tra năng định loại tàu bay phải bao gồm bài kiểm tra về cơ giới tàu bay đối với mức B1 và bài kiểm tra về bộ môn đối với mức B2 và cả bài kiểm tra B1 và B2 đối với mức C;  (2) Bài kiểm tra sẽ phải tuân thủ các yêu cầu đặc biệt của Cục HKVN. Bài kiểm tra phải được thực hiện bởi tổ chức huấn luyện được phê chuẩn phù hợp với Phần 9 hoặc trực tiếp thực hiện bởi Cục HKVN;  (3) Bài kiểm tra thực hành sẽ phải bao gồm kiểm tra các công việc đại diện cho từng nhóm công việc bảo dưỡng có liên quan đến mức giấy phép và năng định đề nghị.  (h) Trái với quy định tại khoản (c), năng định đối với tàu bay không phải là tàu bay lớn cũng có thể được cấp căn cứ vào việc hoàn thành tốt bài kiểm tra năng định loại tàu bay tương ứng mức B1, B2 và C và có bằng chứng đầy đủ về kinh nghiệm thực tế có được trên loại tàu bay đó, trừ phi Cục HKVN xác định loại tàu bay đó là phức tạp và yêu cầu tham gia khóa huấn luyện như điểm 3 dưới đây. Đối với mức C cho tàu bay không phải là tàu bay lớn của người có bằng kỹ sư tàu bay, loại tàu bay kiểm tra đầu tiên phải tương đương của mức B1 hoặc B2.  (1) Đối với mức B1, B2 và C, bài kiểm tra năng định loại tàu bay phải bao gồm bài kiểm tra về cơ giới tàu bay đối với mức B1 và bài kiểm tra về bộ môn đối với mức B2 và cả bài kiểm tra B1 và B2 đối với mức C;  (2) Bài kiểm tra sẽ phải tuân thủ các yêu cầu đặc biệt của Cục HKVN. Bài kiểm tra phải được thực hiện bởi tổ chức huấn luyện được phê chuẩn phù hợp với Phần 9 hoặc trực tiếp thực hiện bởi Cục HKVN;  (3) Bài kiểm tra thực hành sẽ phải bao gồm kiểm tra các công việc đại diện cho từng nhóm công việc bảo dưỡng có liên quan đến mức và năng định đề nghị. | Sửa lại tham chiếu đúng phần áp dụng và đúng thuật ngữ. |
|  | **PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.357** |  | **CÁC YÊU CẦU VỀ KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TẦU BAY** |  |  |
|  | **PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.357** | (a) | (a) Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép AMT phải đáp ứng các yêu cầu về kinh nghiệm như sau:  (1) Đối với năng định A hoặc tiểu năng định B1.2 và B1.4:  (i) 3 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế trên loại tàu bay liên quan nếu người làm đơn không được huấn luyện về mặt kỹ thuật liên quan đến tàu bay;  (ii) 2 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế trên loại tàu bay liên quan và hoàn thành khóa huấn luyện phù hợp với nhân viên kỹ thuật có tay nghề trên các lĩnh vực kỹ thuật khác;  (iii) 1 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế trên loại tàu bay liên quan và hoàn thành khóa huấn luyện tại các trung tâm huấn luyện được phê chuẩn phù hợp với Phần 8.  (2) Đối với năng định B2 hoặc tiểu năng định B1.3 hoặc B1.3:  (i) 5 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế trên loại tàu bay liên quan nếu người làm đơn không được huấn luyện về mặt kỹ thuật liên quan đến tàu bay;  (ii) 3 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế trên loại tàu bay liên quan và hoàn thành khóa huấn luyện được Cục HKVN cho là phù hợp với nhân viên kỹ thuật có tay nghề trên các lĩnh vực kỹ thuật khác;  (iii) 2 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế trên loại tàu bay liên quan và hoàn thành khóa huấn luyện tại các trung tâm huấn luyện được phê chuẩn phù hợp với Phần 8.  (3) Đối với năng định C của tàu bay lớn:  (i) 3 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế với các loại năng định B1.1, B1.3 hoặc B2 trên loại tàu bay lớn hoặc như nhân viên hỗ trợ năng định B1.1, B1.3 hoặc B2 của tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn phù hợp với Phần 5 hoặc kết hợp của cả hai điều kiện trên;  (ii) 5 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế với các loại năng định B1.2, B1.4 trên loại tàu bay lớn hoặc như nhân viên hỗ trợ năng định B1.2, B1.4 của tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn phù hợp với Phần 5 hoặc kết hợp của cả hai điều kiện trên.  (4) Đối với năng định C của tàu bay không phải là tàu bay lớn:  (i) 3 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế với các loại năng định B1.1, B1.3 hoặc B2 trên loại tàu bay không phải là tàu bay lớn hoặc như nhân viên hỗ trợ năng định B1.1, B1.3 hoặc B2 của tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn phù hợp với Phần 5 hoặc kết hợp của cả hai điều kiện trên.  (5) Đối với năng định C của nhân viên tốt nghiệp kỹ sư tàu bay: | (a) Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép AMT phải đáp ứng các yêu cầu về kinh nghiệm như sau:  (1) Đối với mức A hoặc tiểu mức B1.2 và B1.4:  (i) 3 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế trên loại tàu bay liên quan nếu người làm đơn không được huấn luyện về mặt kỹ thuật liên quan đến tàu bay;  (ii) 2 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế trên loại tàu bay liên quan và hoàn thành khóa huấn luyện phù hợp với nhân viên kỹ thuật có tay nghề trên các lĩnh vực kỹ thuật khác;  (iii) 1 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế trên loại tàu bay liên quan và hoàn thành khóa huấn luyện tại các trung tâm huấn luyện được phê chuẩn phù hợp với Phần 9.  (2) Đối với mức B2 hoặc tiểu mức B1.3 hoặc B1.3:  (i) 5 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế trên loại tàu bay liên quan nếu người làm đơn không được huấn luyện về mặt kỹ thuật liên quan đến tàu bay;  (ii) 3 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế trên loại tàu bay liên quan và hoàn thành khóa huấn luyện được Cục HKVN cho là phù hợp với nhân viên kỹ thuật có tay nghề trên các lĩnh vực kỹ thuật khác;  (iii) 2 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế trên loại tàu bay liên quan và hoàn thành khóa huấn luyện tại các trung tâm huấn luyện được phê chuẩn phù hợp với Phần 9.  (3) Đối với mức C của tàu bay lớn:  (i) 3 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế với các mức B1.1, B1.3 hoặc B2 trên loại tàu bay lớn hoặc như nhân viên hỗ trợ mức B1.1, B1.3 hoặc B2 của tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn phù hợp với Phần 5 hoặc kết hợp của cả hai điều kiện trên;  (ii) 5 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế với các loại mức B1.2, B1.4 trên loại tàu bay lớn hoặc như nhân viên hỗ trợ mức B1.2, B1.4 của tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn phù hợp với Phần 5 hoặc kết hợp của cả hai điều kiện trên.  (4) Đối với mức C của tàu bay không phải là tàu bay lớn:  (i) 3 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế với các mức B1.1, B1.3 hoặc B2 trên loại tàu bay không phải là tàu bay lớn hoặc như nhân viên hỗ trợ mức B1.1, B1.3 hoặc B2 của tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn phù hợp với Phần 5 hoặc kết hợp của cả hai điều kiện trên.  (5) Đối với mức C của nhân viên tốt nghiệp kỹ sư tàu bay: | Sửa lại tham chiếu đúng phần áp dụng và đúng thuật ngữ. |
|  |  |  | (b) Người đề nghị bổ sung năng định giấy phép AMT phải có kinh nghiệm bảo dưỡng tối thiểu phù hợp với năng định hoặc năng định phụ đề nghị bổ sung theo bảng sau đây:  từ/ đến | (b) Người đề nghị bổ sung năng định giấy phép AMT phải có kinh nghiệm bảo dưỡng tối thiểu phù hợp với năng định hoặc năng định phụ đề nghị bổ sung theo bảng sau đây:  đến/ từ | Sửa lại thứ tự từ mức này sang mức khác hoặc nâng mức |